| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHỤNG HIỆP**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:230/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 7 - 2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: ông Nguyễn Thanh Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Tự;
2. Ông Phan Công Điện.

***-Thư ký phiên tòa*:** ông Phan Công Trận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*:** bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2018/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* **Ngô Thị Kim T** (tên gọi khác T), sinh năm 1987.

*Địa chỉ:* ấp K, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

*2.Bị đơn:* **Lê Sơn Nh** (tên gọi khác Nh), sinh năm 1983.

*Địa chỉ:* ấp 2, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngô Thị Kim T (sau đây gọi chị T) trình bày: giữa chị và bị đơn Lê Sơn Nh (sau đây gọi anh Nh) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng luôn cãi vã nhau, đã nhiều lần hàn gắn tình

cảm nhưng không thành nên sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh Nh.

-Về con chung: có một con chung tên Lê Nhựt H (nam), sinh ngày 02.02.2016. Từ khi ly thân đến nay cháu H sống với chị, nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03.5.2018, anh Lê Sơn Nh có lời trình bày: giữa anh và chị T qua tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T về nhà mẹ ruột sống, anh Nh không đồng ý mà chỉ đồng ý sống bên gia đình anh, từ đó xảy ra cãi vã nên đã sống ly thân từ cuối năm 2017. Do còn thương vợ, con nên anh chưa đồng ý ly hôn. Nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Con chung có một cháu tên Lê Nhựt H, nếu ly hôn, anh đồng ý cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng. Về tài sản anh trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung, các bên không tranh chấp nên đề nghị tiếp tục giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Nh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh Nh.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Nh qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vào ngày 20 tháng 7 năm 2015, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: trong thời gian chung sống giữa chị và anh Nh có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được nơi vợ chồng chung sống nhưng không có biện pháp khắc phục và đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để anh, chị được đoàn tựu, anh Nh chưa đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để đoàn tụ, trong khi thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Nh và cương quyết xin ly hôn . Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng , đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: có một người con chung, các bên không tranh chấp về quyền nuôi con chung, chị T có yêu cầu nuôi cháu H, anh Nh cũng đồng ý giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, vấn đề này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần tiếp tục giao cháu Lê Nhựt H (nam), sinh ngày 02.02.2016 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nh mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.**Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Kim T và anh Lê Sơn Nh.

**2.**Về nuôi con chung: giao cháu Lê Nhựt H (nam), sinh ngày 02 tháng 02 năm 2016 cho chị Ngô Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh Nh có yêu cầu khác. Anh Lê Sơn Nh chưa phải

cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục các con chung cho anh Nh mà không ai có quyền cản trở.

**3.**Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

**4.**Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Ngô Thị Kim T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016460, ngày 18.4.2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- UBND xã Thạnh Hòa, h.Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Liêm**